

Số: 50 /2013/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn,
tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1388/TTr-SNV ngày 28 tháng 6 năm 2013 về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 42/2010/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tư pháp;
- Thường trực: Thành ủy; HĐND TP;
- Chủ tịch, PCT UBND TP;
- UBNDTTQ, các Đoàn thể TP;
- Cục Kiểm tra Văn bản – Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Các Ban của Thành ủy;
- Trung tâm Công báo; Công giao tiếp điện tử TP;
- CVP, các PVP UBND TP;
- Các phòng: NC, TH, VX;
- Lưu: VT, SNV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Phi Thảo

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 50 /2013/QĐ-UBND ngày 18 /11/2013
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Thôn, tổ dân phố

1. Thôn, làng, bản...(gọi chung là thôn) và tổ dân phố, khu phố, khối phố...(gọi chung là tổ dân phố) là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (*xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã*); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi, để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

2. Thôn và tổ dân phố không phải là một cấp hành chính, do chính quyền xã, phường, thị trấn trực tiếp quản lý. Thôn được thành lập ở xã, tổ dân phố được thành lập ở phường, thị trấn và ở những khu đô thị, khu nhà ở tập thể của cơ quan trên địa bàn xã khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố thống nhất tên gọi các tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư hiện có trên địa bàn các xã, phường, thị trấn thuộc thành phố Hà Nội là thôn, tổ dân phố.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Hoạt động của thôn, tổ dân phố phải tuân thủ pháp luật, dân chủ, công khai, minh bạch; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền cấp xã và sự hướng dẫn, triển khai công tác của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

2. Không chia tách các thôn, tổ dân phố đang hoạt động ổn định để thành lập thôn mới, tổ dân phố mới. Đối với các thôn có quy mô từ 1000 hộ dân, tổ dân phố có quy mô từ 800 hộ dân trở lên, hoạt động gặp nhiều khó khăn, được xem xét chia tách để thành lập thôn, tổ dân phố mới, nếu đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

3. Khuyến khích việc sáp nhập thôn, tổ dân phố để thành lập thôn, tổ dân phố có quy mô lớn hơn nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý điều hành của chính quyền cấp xã và nâng cao hiệu quả đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của thôn, tổ dân phố.

Chương II

TỔ CHỨC CỦA THÔN VÀ TỔ DÂN PHỐ

Điều 3. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Mỗi thôn có Trưởng thôn, 01 Phó Trưởng thôn và các tổ chức tự quản khác của thôn. Trường hợp thôn có trên 500 hộ gia đình thì có thể bổ trí thêm 01 Phó Trưởng thôn.

2. Mỗi tổ dân phố có Tổ trưởng, 01 Tổ phó tổ dân phố và các tổ chức tự quản khác của tổ dân phố. Trường hợp tổ dân phố có trên 600 hộ gia đình thì có thể bổ trí thêm 01 Tổ phó tổ dân phố.

Đối với thôn, tổ dân phố đã bổ trí thêm Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố theo số dân quy định tại Điều 9 của Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 42/2010/QĐ-UBND ngày 30/8/2010 của UBND thành phố Hà Nội, thì Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố được bổ trí thêm này tiếp tục hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ, sau đó thực hiện theo quy định tại các Khoản 1, 2 Điều này.

Điều 4. Thảm quyền thành lập mới, sáp nhập thôn, tổ dân phố; ghép khu vực dân cư mới hình thành vào thôn, tổ dân phố

1. Chủ tịch UBND Thành phố quyết định thành lập thôn mới, tổ dân phố mới (gồm cả việc chia tách) thuộc từng xã, phường, thị trấn theo trình tự quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. UBND cấp huyện quyết định ghép khu vực dân cư mới hình thành vào thôn, tổ dân phố hiện có; quyết định sáp nhập thôn, tổ dân phố để thành lập thôn, tổ dân phố có quy mô lớn hơn hoặc chuyển thôn thuộc xã thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn theo trình tự quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 5. Thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

1. Điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

Chỉ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới khi tổ chức định canh, định cư, di dân giải phóng mặt bằng và thực hiện quy hoạch giãn dân được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc khi thôn, tổ dân phố có quy mô số hộ dân quá đông (quy định tại Khoản 2, Điều 2 Quy chế này), cần chia tách để thuận lợi cho công tác quản lý và có đủ các điều kiện sau:

a) Quy mô số hộ gia đình

- Đối với thôn mới: Ở vùng đồng bằng phải có từ 200 hộ gia đình trở lên; ở vùng miền núi phải có từ 100 hộ gia đình trở lên;

- Đối với tổ dân phố mới: Phải có từ 250 hộ gia đình trở lên.

Trường hợp khu vực dân cư mới hình thành chưa đủ điều kiện để thành lập thôn, tổ dân phố theo quy định thì ghép vào thôn, tổ dân phố hiện có cho phù hợp, bảo đảm thuận lợi trong công tác quản lý của chính quyền cấp xã và các hoạt động của thôn, tổ dân phố. Trình tự thủ tục ghép các khu vực dân cư mới hình thành vào thôn, tổ dân phố hiện có theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Đối với tòa nhà cao tầng tại các khu đô thị mới hoặc các khu vực dân cư có vị trí biệt lập đặc thù, khi có tối thiểu 150 hộ gia đình cư trú thường xuyên thì được xem xét để thành lập tổ dân phố mới, thôn mới.

b) Các điều kiện khác:

Thôn và tổ dân phố phải có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và ổn định cuộc sống của người dân; có quy hoạch, phương án bố trí Nhà văn hóa hoặc Phòng sinh hoạt cộng đồng dân cư, để tổ chức các hội nghị thôn, tổ dân phố.

2. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn, tổ dân phố mới (gồm cả chia tách) thực hiện như sau:

UBND Thành phố xem xét việc thành lập thôn, tổ dân phố mới 01 lần trong một năm, quy trình và hồ sơ thực hiện như sau:

a) Xin chủ trương thành lập thôn, tổ dân phố mới

- Trên cơ sở yêu cầu thực tiễn, vào tháng 01 hàng năm, UBND cấp huyện có báo cáo gửi UBND Thành phố (qua Sở Nội vụ) xin chủ trương thành lập thôn, tổ dân phố mới. Nội dung báo cáo thể hiện rõ các yếu tố cần thiết, các điều kiện theo quy định để thành lập thôn, tổ dân phố mới.

- Sở Nội vụ tiến hành thẩm định nhu cầu thành lập thôn, tổ dân phố mới của UBND cấp huyện; sau đó tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố.

b) Sau khi UBND Thành phố có văn bản đồng ý về chủ trương, UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã:

b1) Xây dựng Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới, nội dung chủ yếu bao gồm:

- Sự cần thiết phải thành lập thôn mới, tổ dân phố mới, tên thôn, tổ dân phố;
- Vị trí địa lý, ranh giới của thôn mới, tổ dân phố mới (có sơ đồ thể hiện vị trí địa lý);
- Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn mới, tổ dân phố mới;
- Diện tích tự nhiên của thôn mới (phải chi tiết số liệu về diện tích đất ở, đất sản xuất), đơn vị tính là hecta;
- Đề xuất, kiến nghị.

- Tài liệu kèm theo: Danh sách các hộ dân đang cư trú thường xuyên và các văn bản, tài liệu chứng minh thôn, tổ dân phố có đủ các điều kiện quy định tại điểm b, Khoản 1 Điều này;

b2) Tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn, tổ dân phố mới về Đề án thành lập thôn, tổ dân phố. Hội nghị lấy ý kiến cử tri phải có biên bản, trong đó thể hiện rõ tổng số cử tri lấy ý kiến, số cử tri đồng ý và số cử tri không đồng ý. Nếu trên 50% cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn, tổ dân phố mới đồng ý, UBND cấp xã hoàn chỉnh Đề án trình HĐND cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất.

b3) UBND cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp huyện, hồ sơ gồm:

- Tờ trình của UBND cấp xã về việc đề nghị thành lập thôn, tổ dân phố mới;
- Đề án đề nghị thành lập thôn, tổ dân phố mới;
- Biên bản xin ý kiến cử tri;
- Nghị quyết của HĐND cấp xã.

c) UBND cấp huyện hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND Thành phố (qua Sở Nội vụ), hồ sơ gồm:

- Tờ trình của UBND cấp huyện trình UBND Thành phố;
- Toàn bộ hồ sơ của các xã, phường, thị trấn đề nghị thành lập thôn, tổ dân phố mới;

Hồ sơ gửi về Sở Nội vụ chậm nhất vào tháng 7 hàng năm.

d) Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, xây dựng báo cáo thẩm định và dự thảo Tờ trình của UBND Thành phố để trình HĐND Thành phố có Nghị quyết thông qua về việc thành lập thôn, tổ dân phố mới tại kỳ họp cuối năm;

đ) Sau khi có Nghị quyết của HĐND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố ban hành Quyết định thành lập thôn, tổ dân phố mới.

Điều 6. Quy trình và hồ sơ ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có; sáp nhập thôn, tổ dân phố để thành lập thôn, tổ dân phố có quy mô lớn hơn; chuyển các thôn hiện có của xã thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn

1. Quy trình và hồ sơ ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố

a) Trên cơ sở văn bản chỉ đạo về chủ trương của UBND cấp huyện về việc ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có, UBND cấp xã xây dựng Đề án triển khai thực hiện. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

- Sự cần thiết ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có;
- Dân số (số hộ, số nhân khẩu) của khu vực dân cư mới hình thành;
- Dân số (số hộ, số nhân khẩu) của thôn, tổ dân phố hiện có;

- Vị trí địa lý, ranh giới của thôn, tổ dân phố sau khi ghép khu vực dân cư (có sơ đồ thể hiện vị trí địa lý);

- Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, tổ dân phố sau khi ghép khu vực dân cư;

- Diện tích tự nhiên của thôn sau khi ghép khu vực dân cư (phải chi tiết số liệu về diện tích đất ở, đất sản xuất), đơn vị tính là hecta;

- Đề xuất, kiến nghị.

b) UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép khu vực dân cư (bao gồm khu vực dân cư mới hình thành và thôn, tổ dân phố hiện có) về Đề án ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

c) Đề án ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có, nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép khu vực dân cư tán thành thì UBND cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình HĐND cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Sau khi có Nghị quyết của HĐND cấp xã, UBND cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp huyện (qua Phòng Nội vụ), gồm:

- Tờ trình của UBND cấp xã;
- Nghị quyết HĐND cấp xã;
- Đề án ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố;
- Biên bản lấy ý kiến cử tri;

Trường hợp Đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì UBND cấp xã báo cáo UBND cấp huyện xem xét, quyết định.

d) Sau khi nhận được hồ sơ của UBND cấp xã, Phòng Nội vụ nghiên cứu, xây dựng báo cáo thẩm định trình UBND cấp huyện.

đ) UBND cấp huyện xem xét và ban hành quyết định việc ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có.

2. Việc sáp nhập thôn, tổ dân phố để thành lập thôn, tổ dân phố có quy mô lớn hơn được thực hiện như quy trình ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền đã có quyết định thành lập phường, thị trấn trên cơ sở từ xã, UBND phường, thị trấn lập Tờ trình báo cáo UBND cấp huyện quyết định chuyển các thôn hiện có của xã thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn.

Chương III

VỊ TRÍ, VAI TRÒ, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TIÊU CHUẨN, QUYỀN LỢI, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI TRƯỞNG THÔN, PHÓ TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ, TỔ PHÓ TỔ DÂN PHỐ

Điều 7. Vị trí, vai trò, nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng, Tổ phó tổ dân phố là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là người đại diện cho nhân dân ở thôn, tổ dân phố. Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố là người giúp việc Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

2. Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng, Tổ phó tổ dân phố do cử tri hoặc cử tri đại diện các hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố trực tiếp bầu ra theo nhiệm kỳ và được Chủ tịch UBND cấp xã ra quyết định công nhận.

3. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là hai năm rưỡi, tính từ khi có quyết định công nhận của Chủ tịch UBND cấp xã. Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Trường hợp thành lập thôn mới, tổ dân phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch UBND cấp xã chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố làm thời hoạt động cho đến khi cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố bầu được Trưởng thôn mới, Tổ trưởng tổ dân phố mới trong thời hạn không quá sáu tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố làm thời;

Điều 8. Trách nhiệm của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chịu sự quản lý, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã, chịu sự lãnh đạo của Chi bộ thôn, Chi bộ tổ dân phố; có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức, đoàn thể, tổ đại biểu HĐND cấp xã, Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp (ở thôn), công an viên ở thôn (hoặc cảnh sát khu vực ở tổ dân phố) triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trên địa bàn thôn, tổ dân phố.

2. Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phân công; thay mặt Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố điều hành công việc khi được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố ủy quyền.

3. Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố phải luôn luôn gần gũi với nhân dân; tôn trọng, chú ý lắng nghe nguyện vọng của nhân dân; kiên quyết bảo vệ lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân; giải quyết công việc trên cơ sở pháp luật quy định, chống các tư tưởng, hành vi bẻ lái, cục bộ địa phương gây mất đoàn kết trong nhân dân.

Điều 9. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố

Là người có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở thôn, tổ dân phố (trường hợp tổ dân phố thuộc địa bàn các khu đô thị mới hình thành, thì Tổ trưởng, Tổ phó chỉ cần có đăng ký tạm trú và cư trú thường xuyên); có từ đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe, nhiệt tình, trung thực và có tinh thần trách nhiệm trong công tác; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt; tốt nghiệp Trung học cơ sở (cấp II cũ) trở lên; bản thân và gia đình gương mẫu về đạo đức, lối sống, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, được nhân dân tin nhiệm; có năng lực tổ chức và vận động nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng và công việc cấp trên giao.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn và Tổ trưởng tổ dân phố

1. Nhiệm vụ:

a) Bảo đảm các hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Quy chế này;

b) Triệu tập và chủ trì hội nghị thôn, tổ dân phố;

c) Triển khai thực hiện những nội dung do cộng đồng dân cư của thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp; tổ chức nhân dân trong thôn, tổ dân phố thực hiện đúng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những nhiệm vụ do cấp trên giao.

d) Vận động và tổ chức nhân dân thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; tổ chức xây dựng và thực hiện quy chế, quy ước, hương ước của thôn, tổ dân phố không trái với quy định của pháp luật;

đ) Phối hợp với Ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội của thôn, tổ dân phố, tổ chức nhân dân tham gia thực hiện tốt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư", phong trào "Dân vận khéo" và các phong trào, các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động;

e) Tổ chức vận động nhân dân giữ gìn an ninh, trật tự và an toàn xã hội; phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội trong thôn, tổ dân phố, không để xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ nhân dân; báo cáo kịp thời với UBND cấp xã những hành vi vi phạm pháp luật trong thôn, tổ dân phố;

g) Tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền cấp xã giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của nhân dân trong thôn, tổ dân phố; lập biên bản về những vấn đề đã được nhân dân của thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp, những vấn đề đã được nhân dân của thôn, tổ dân phố bàn và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định; báo cáo kết quả cho Chủ tịch UBND cấp xã;

h) Phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận và trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của thôn, tổ dân phố trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị - xã hội trong cộng đồng dân cư; đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức tự quản (nếu có) của thôn, tổ dân phố như: Tổ dân vận, Tổ hòa giải, Tổ quân chủng bảo vệ an ninh và trật tự, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, Tổ bảo vệ sản xuất và các tổ chức tự quản khác theo quy định của pháp luật;

i) Hàng tháng báo cáo kết quả công tác về UBND cấp xã; sáu tháng đầu năm và cuối năm phải báo cáo công tác trước hội nghị thôn, tổ dân phố.

2. Quyền hạn:

a) Được ký hợp đồng về dịch vụ phục vụ sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng và công trình phúc lợi công cộng do thôn, tổ dân phố đầu tư đã được Hội nghị thôn, tổ dân phố thông qua, theo quy định của pháp luật;

b) Phân công nhiệm vụ và quy định quyền hạn giải quyết công việc của Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố;

c) Được cấp trên mời dự họp về các vấn đề liên quan; thực hiện các nhiệm vụ do cấp trên giao và các nhiệm vụ khác tại cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quyền lợi của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Được cử đi học các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ thôn, tổ dân phố;

2. Được UBND cấp xã thông báo, cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết, có liên quan tới hoạt động của thôn, tổ dân phố và nhiệm vụ được giao;

3. Được UBND cấp xã mời dự họp, tham khảo ý kiến, thông báo kết luận khi giải quyết những vấn đề cần thiết có liên quan đến thôn, tổ dân phố;

4. Được hưởng tiền phụ cấp hàng tháng theo quy định của UBND Thành phố và được cấp giấy, bút làm việc;

5. Được pháp luật bảo vệ khi thực hiện nhiệm vụ do nhà nước giao.

Điều 12. Khen thưởng, kỷ luật

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có thành tích được UBND cấp xã biểu dương, khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên biểu dương khen thưởng.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị khiển trách, cảnh cáo, cho thôi chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

UBND cấp xã xem xét, quyết định hình thức xử lý khiển trách, cảnh cáo hoặc cho thôi chức đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố trong trường hợp đã có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật.

3. Sở Nội vụ hướng dẫn nội dung, quy trình xem xét, xử lý kỷ luật khiển trách, cảnh cáo hoặc cho thôi chức đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố trong trường hợp đã có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 13. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Cộng đồng dân cư thôn, tổ dân phố bàn và biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định những nội dung theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; bàn và quyết định trực tiếp việc thực hiện các công việc tự quản không trái với quy định của pháp luật trong việc xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, hiện đại, phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng, xóa đói, giảm nghèo; thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; những công việc do cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp trên triển khai đối với thôn, tổ dân phố; thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân đối với Nhà nước; bảo đảm đoàn kết, dân chủ, công khai, minh bạch, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương; xây dựng, giữ vững và phát huy danh hiệu “Thôn văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”; phòng chống các tệ nạn xã hội và xóa bỏ hủ tục lạc hậu.

2. Thực hiện dân chủ ở cơ sở; xây dựng và thực hiện quy chế, hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; tích cực tham gia cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” và các phong trào, các cuộc vận động do các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

3. Thực hiện sự lãnh đạo của chi bộ thôn, tổ dân phố hoặc Đảng ủy cấp xã hay chi bộ sinh hoạt ghép (nơi chưa có chi bộ thôn, chi bộ tổ dân phố), củng cố và duy trì hoạt động có hiệu quả của các tổ chức tự quản khác của thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố. Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Điều 14. Hội nghị của thôn, tổ dân phố

Hội nghị thôn, tổ dân phố được tổ chức mỗi năm 2 lần (thời gian vào giữa năm và cuối năm); khi cần có thể họp bất thường. Thành phần hội nghị là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố. Hội nghị do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố triệu tập và chủ trì. Hội nghị được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

Việc tổ chức để nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Chương V

QUY TRÌNH BẦU CỬ TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ, PHÓ TRƯỞNG THÔN, TỔ PHÓ TỔ DÂN PHỐ

Điều 15. Tổ chức bầu cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố

Tùy theo điều kiện của từng địa phương mà việc bầu Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố có thể tổ chức kết hợp tại hội nghị thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức thành cuộc bầu cử riêng.

Điều 16. Công tác chuẩn bị hội nghị bầu cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố

1. Chậm nhất 20 ngày trước ngày bầu cử, UBND cấp xã ra quyết định công bố ngày bầu cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố; chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu cử.

2. Chậm nhất 15 ngày trước ngày bầu cử, Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức hội nghị Ban công tác Mặt trận dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố; báo cáo với Chi ủy Chi bộ thôn, tổ dân phố để thống nhất danh sách người ra ứng cử (từ 1 - 2 người).

3. Chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử, Chủ tịch UBND cấp xã ra quyết định thành lập Tổ bầu cử (Tổ bầu cử gồm Tổ trưởng là Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố; thư ký và các thành viên khác là đại diện một số tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và đại diện cử tri thôn, tổ dân phố); quyết định về nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri (là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) tham gia bầu cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố; quyết định việc lập danh sách cử tri và thời gian niêm yết danh sách cử tri; quyết định hình thức bầu cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ

trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố (bầu cử tại hội nghị thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức cuộc bầu cử riêng). Các quyết định này phải được thông báo đến nhân dân ở thôn, tổ dân phố chậm nhất 7 ngày trước ngày bầu cử.

Trường hợp một thôn có nhiều Ban Công tác Mặt trận thì Chủ tịch UBND xã ra quyết định chọn một đồng chí Trưởng ban công tác Mặt trận làm Tổ trưởng tổ bầu cử.

4. Tổ bầu cử có nhiệm vụ chính như sau:

- Lập và công bố danh sách cử tri tham gia bầu Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố;

- Công bố danh sách các ứng cử viên;

- Nhận phiếu bầu và biên bản kiểm phiếu từ UBND cấp xã;

- Phát phiếu bầu, hướng dẫn cử tri bỏ phiếu, đảm bảo trật tự nơi bỏ phiếu;

- Kiểm phiếu, viết biên bản kiểm phiếu;

- Báo cáo và nộp kết quả kiểm phiếu, phiếu bầu Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố và các tài liệu bầu cử khác (nếu có) về UBND cấp xã.

Tùy theo tình hình của địa bàn thôn, tổ dân phố, UBND cấp xã có thể giao cho Tổ bầu cử thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể khác trong quá trình bầu cử.

Điều 17. Bầu cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố tại hội nghị thôn, tổ dân phố

1. Tổ trưởng tổ bầu cử chủ trì hội nghị bầu cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố. Hội nghị bầu Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

Hội nghị bầu Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Tổ trưởng bầu cử đọc quyết định công bố ngày tổ chức bầu cử; quyết định thành lập Tổ bầu cử, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri tham gia bầu cử;

b) Tổ trưởng tổ bầu cử quyết định việc Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đương nhiệm báo cáo kết quả công tác nhiệm kỳ vừa qua trước hội nghị cử tri; hội nghị cử tri thảo luận về công tác nhiệm kỳ vừa qua của Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố;

c) Tổ trưởng Tổ bầu cử nêu tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố;

d) Đại diện Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố giới thiệu danh sách những người ra ứng cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ

phó tổ dân phố do Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề cử và Chi ủy Chi bộ thôn, tổ dân phố thống nhất theo quy trình quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này. Tại hội nghị này, cử tri có thể ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử;

đ) Hội nghị thảo luận, cho ý kiến về những người ứng cử. Trên cơ sở các ý kiến của cử tri, Tổ bầu cử ấn định danh sách những người ứng cử theo từng chức danh để hội nghị biểu quyết. Việc biểu quyết số lượng và danh sách những người ứng cử được thể hiện bằng hình thức giơ tay và có giá trị khi có trên 50% số cử tri tham dự hội nghị tán thành.

e) Tiến hành bầu cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố.

- Việc bầu cử có thể bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định.

- Nếu bầu cử bằng hình thức giơ tay, Tổ bầu cử trực tiếp đếm số biểu quyết theo từng người ứng cử và theo chức danh bầu cử. Nếu bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín, Tổ bầu cử làm nhiệm vụ phát phiếu, hướng dẫn cách thức bầu cử, kiểm phiếu. Phiếu bầu cử do Ủy ban nhân dân cấp xã chuẩn bị trước, có danh sách những người ứng cử theo từng chức danh bầu cử, có đóng dấu Ủy ban nhân dân cấp xã vào góc cao bên trái phiếu bầu.

- Tổ bầu cử tiến hành kiểm phiếu tại nơi bỏ phiếu ngay sau khi kết thúc cuộc bỏ phiếu; mời 2 đại biểu cử tri không phải là người ứng cử có mặt tại đó chứng kiến việc kiểm phiếu.

Kiểm phiếu xong, Tổ bầu cử lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ: Tổng số cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) của thôn, tổ dân phố; số cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) tham gia hội nghị; số phiếu phát ra; số phiếu thu vào; số phiếu hợp lệ; số phiếu không hợp lệ; số phiếu và tỷ lệ bầu cho mỗi người ứng cử so với tổng số cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) toàn thôn, tổ dân phố.

Người trúng cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố là người đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) trong toàn thôn, tổ dân phố.

- Những phiếu bầu sau đây là phiếu không hợp lệ:

- + Phiếu không phải là phiếu theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra;
- + Phiếu bầu quá số lượng người quy định;
- + Phiếu ghi tên người ngoài danh sách những người ứng cử;
- + Phiếu gạch, xóa hết tên những người ứng cử trong trường hợp số người ứng cử từ 02 người trở lên (trường hợp chỉ có một người ứng cử thì phiếu gạch, xóa tên người ứng cử đó vẫn là phiếu hợp lệ);

- Biên bản kiểm phiếu lập thành 03 bản có chữ ký của các thành viên Tổ bầu cử;
g) Tổ trưởng tổ bầu cử báo cáo kết quả bầu cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố, kèm theo Biên bản kiểm phiếu gửi ngay UBND, UBMT Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

2. Trường hợp kết quả bầu cử (theo từng chức danh) không có người nào đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố thì tiến hành bầu cử lại chức danh đó. Ngày bầu cử lại do UBND cấp xã quyết định, nhưng chậm nhất không quá 15 ngày, kể từ ngày tổ chức bầu cử lần đầu.

Trường hợp tổ chức bầu cử lần thứ hai mà vẫn không bầu được chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch UBND cấp xã quyết định cử chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới. Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời, UBND cấp xã phải tổ chức bầu cử chức danh này.

Trường hợp tổ chức bầu cử lần thứ hai mà vẫn không bầu được chức danh Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố thì UBND cấp xã quyết định thời điểm tiếp tục bầu cử Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố.

Quy trình bầu cử thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16, khoản 1 Điều 17 và Điều 18 của Quy chế này.

Điều 18. Bầu cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố tại cuộc bầu cử riêng

1. Tổ chức hội nghị thống nhất, ấn định danh sách những người ra ứng cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố:

a) Tổ trưởng Tổ bầu cử quyết định ngày tổ chức hội nghị thống nhất, ấn định danh sách những người ra ứng cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố trước ít nhất 5 ngày tính đến ngày bỏ phiếu bầu cử và phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã.

Tổ bầu cử gửi giấy mời đến các cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố. Hội nghị thống nhất, ấn định danh sách những người ứng cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự;

b) Tổ trưởng Tổ bầu cử chủ trì hội nghị. Hội nghị tiến hành các trình tự, thủ tục thống nhất, ấn định danh sách những người ra ứng cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 17 của Quy chế này.

Tổ bầu cử lập 03 bộ biên bản hội nghị và báo cáo về UBND cấp xã danh sách người ứng cử.

2. Trường hợp thôn hoặc tổ dân phố lớn, địa bàn dân cư sống không tập trung, không thể tổ chức cuộc họp toàn thôn, tổ dân phố để ấn định danh sách những người ứng cử thì có thể tổ chức các cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo từng khu vực dân cư để lấy ý kiến nhân dân, quy trình thực hiện như sau:

a) Đại diện Tổ bầu cử chủ trì cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ (theo chỉ đạo của UBND cấp xã) tại khu vực dân cư.

- Đại diện Tổ bầu cử đọc quyết định công bố ngày tổ chức bầu cử; quyết định thành lập Tổ bầu cử, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử, quyết định thành phần cử tri tham gia bầu cử.

- Đại diện Tổ bầu cử quyết định việc đề Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố đương nhiệm báo cáo kết quả công tác nhiệm kỳ vừa qua trước hội nghị cử tri; hội nghị cử tri thảo luận về công tác nhiệm kỳ vừa qua của Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố.

- Đại diện Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố giới thiệu danh sách những người ra ứng cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố do Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề cử và Chi ủy Chi bộ thôn, tổ dân phố thống nhất (theo quy trình quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này). Tại cuộc họp này cử tri có thể tự ứng cử hoặc giới thiệu thêm người ứng cử. Trường hợp cử tri trong khu vực dân cư giới thiệu nhiều người ứng cử ngoài số lượng người ứng cử do Ban Công tác Mặt trận giới thiệu, Đại diện Tổ bầu cử có thể lấy ý kiến biểu quyết bằng hình thức giơ tay ngay tại cuộc họp để chọn ra 01 người được tín nhiệm cao nhất tham gia ứng cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố.

- Đại diện Tổ bầu cử hướng dẫn mỗi khu vực dân cư đề cử tối thiểu 05 người làm đại diện cho khu vực dân cư đi dự cuộc họp thống nhất, ấn định danh sách những người ra ứng cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố. Tùy theo tình hình cụ thể của từng thôn, tổ dân phố, UBND cấp xã quyết định số lượng người được đề cử làm đại diện cho khu vực dân cư và phải thông báo công khai để thống nhất thực hiện.

Tổ bầu cử lập 03 bộ biên bản đối với mỗi cuộc họp tại khu dân cư.

b) Tổ trưởng tổ bầu cử chủ trì hội nghị thống nhất, ấn định danh sách những người ra ứng cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố. Thành phần hội nghị bao gồm các thành viên của Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố và cử tri đại diện của các khu vực dân cư. UBND cấp xã cử cán bộ đại diện tới dự họp, ký xác nhận biên bản hội nghị.

Hội nghị thống nhất, ấn định danh sách những người ra ứng cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 17 của Quy chế này.

Tổ bầu cử lập 03 bộ biên bản hội nghị và báo cáo về UBND cấp xã danh sách người ứng cử.

3. Tổ chức ngày bầu cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố

a) Những công việc chuẩn bị cho ngày bỏ phiếu

- UBND cấp xã thông báo ngày, giờ, địa điểm tổ chức bầu cử, thể lệ bầu cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố trên hệ thống truyền thanh; xây dựng kế hoạch bảo vệ và bảo đảm an toàn, trật tự cho ngày bỏ phiếu đặc biệt là nơi để hòm phiếu.

- Tổ bầu cử cùng với cán bộ các tổ chức, đoàn thể trong thôn, tổ dân phố họp bàn phân công nhiệm vụ cụ thể từng người, ấn định thời gian hoàn thành. Cần chú ý đến việc lập danh sách cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình, nhận phiếu bầu cử từ UBND cấp xã, chuẩn bị hòm phiếu, phối hợp với UBND cấp xã thực hiện kế hoạch bảo đảm an toàn, trật tự cho ngày bỏ phiếu.

b) Tổ chức ngày bỏ phiếu

- Cuộc bỏ phiếu tiến hành từ 7 giờ đến 19 giờ. Những nơi cần phải tổ chức sớm hơn cũng không được sớm hơn 5 giờ sáng hoặc kết thúc muộn hơn cũng không được quá 20 giờ cùng ngày. Tổ bầu cử có thể quyết định thời gian cụ thể nhưng phải báo cáo về UBND cấp xã. Nơi nào có 100% cử tri hoặc cử tri đại diện hộ đã bỏ phiếu thì có thể kết thúc cuộc bỏ phiếu sớm hơn.

- Tổ trưởng Tổ bầu cử mời một số các cụ là cử tri cao tuổi, cán bộ lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể và một số cử tri trong thôn, tổ dân phố tới dự khai mạc cuộc bỏ phiếu. Tùy theo tình hình cụ thể, Tổ bầu cử có thể làm lễ chào cờ, cử quốc ca khi tiến hành khai mạc cuộc bỏ phiếu.

- Trước khi tiến hành bỏ phiếu, Tổ trưởng Tổ bầu cử mời hai cử tri chứng kiến việc nhân viên Tổ bầu cử kiểm tra và niêm phong hòm phiếu.

- Trong ngày bỏ phiếu, Tổ bầu cử phối hợp với cán bộ các đoàn thể tổ chức vận động các cử tri đi bỏ phiếu; thường xuyên nhắc nhở cử tri bầu đúng số lượng người làm Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố trong số người ứng cử, đảm bảo số phiếu hợp lệ cao.

- Trong ngày bỏ phiếu, nếu có khiếu nại của cử tri thì Tổ bầu cử giải quyết khẩn trương, nếu khó khăn phức tạp thì báo cáo về UBND cấp xã để giải quyết. Trong trường hợp xảy ra sự việc phức tạp làm gián đoạn cuộc bỏ phiếu thì Tổ bầu cử lập tức niêm phong giấy tờ và hòm phiếu, báo cáo UBND cấp xã đồng thời có kế hoạch khắc phục khó khăn để tiếp tục cuộc bỏ phiếu.

- Khi hết giờ bỏ phiếu, nếu còn cử tri có mặt tại phòng bỏ phiếu mà chưa kịp bỏ phiếu thì chỉ sau khi số cử tri này bỏ phiếu xong, Tổ bầu cử mới được tuyên bố kết thúc cuộc bỏ phiếu.

- Sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc, Tổ bầu cử phải tiến hành kiểm phiếu ngay tại phòng bỏ phiếu.

Trước khi mở hòm phiếu, Tổ bầu cử phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu bầu không sử dụng đến và mời hai cử tri không phải là người ứng cử có mặt tại đó chứng kiến việc kiểm phiếu.

c) Các quy định về lập Biên bản kiểm phiếu, người trúng cử, bầu cử lại, cử chức danh lâm thời, công nhận kết quả bầu cử áp dụng thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 19 của Quy chế này.

Điều 19. Việc công nhận kết quả bầu cử

Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Tổ trưởng Tổ bầu cử, UBND cấp xã xem xét, ra quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố hoặc quyết định bầu cử lại, trường hợp không ra quyết định công nhận hoặc quyết định bầu cử lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của UBND cấp xã.

Chương VI

QUY TRÌNH MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ, PHÓ TRƯỞNG THÔN, TỔ PHÓ TỔ DÂN PHỐ

Điều 20. Quy trình miễn nhiệm Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố có thể được miễn nhiệm do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác (trường hợp theo nguyện vọng cá nhân, người xin miễn nhiệm phải có đơn gửi UBND cấp xã). Trường hợp Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố di chuyển chỗ ở ra khỏi địa bàn thôn, tổ dân phố thì Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề nghị Chủ tịch UBND cấp xã xem xét ra thông báo đề bầu cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố mới.

2. Thủ tục, trình tự tổ chức việc miễn nhiệm

a) Việc miễn nhiệm Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố thực hiện tại hội nghị cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố. Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị miễn nhiệm Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố.

Hội nghị miễn nhiệm Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự;

b) Trình tự hội nghị miễn nhiệm Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố:

- Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị, nêu lý do, yêu cầu của hội nghị;

- Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố trình bày lý do của việc xin miễn nhiệm;

- Hội nghị thảo luận, đánh giá quá trình hoạt động của Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố;

- Hội nghị tiến hành biểu quyết. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 3 đến 5 người để làm nhiệm vụ;

- Trường hợp có trên 50% cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ) so với tổng số cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) trong toàn thôn, tổ dân phố tán thành việc miễn nhiệm Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố thì Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố báo cáo UBND cấp xã xem xét miễn nhiệm;

c) Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, UBND cấp xã phải xem xét, ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm chức danh Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới; trường hợp UBND cấp xã không ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu lý do.

Việc bầu cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố mới phải được tiến hành trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày UBND cấp xã ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố. Quy trình bầu Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19 của Quy chế này.

Điều 21. Quy trình bãi nhiệm Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố khi không còn được nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo điều hành của UBND cấp xã, vi phạm pháp luật và các quy định của cấp trên thì có thể bị

cử tri bãi nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã hoặc của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hoặc có ít nhất một phần ba tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị.

Trong trường hợp UBND cấp xã đã có quyết định xử lý Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố xử lý bằng hình thức cho thôi chức thì không phải thực hiện việc miễn nhiệm, bãi nhiệm.

UBND cấp xã ra quyết định tổ chức hội nghị cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố để xem xét bãi nhiệm Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố.

Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị bãi nhiệm Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố.

Hội nghị bãi nhiệm Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố) tham dự. Ngoài số cử tri thuộc thành phần dự hội nghị. Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố mời đại diện UBND cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tham dự. Khách mời được phát biểu ý kiến, nhưng không được biểu quyết.

2. Trình tự hội nghị bãi nhiệm Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố:

a) Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tuyên bố lý do, mục đích, yêu cầu của hội nghị;

b) Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố trình bày bản tự kiểm điểm của mình, trong đó nêu rõ khuyết điểm, nguyên nhân khách quan và chủ quan, các biện pháp khắc phục. Trường hợp Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố không tham dự hội nghị hoặc có tham dự nhưng không trình bày bản tự kiểm điểm thì người đưa ra đề xuất việc bãi nhiệm trình bày những khuyết điểm của Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố;

c) Hội nghị thảo luận, đóng góp ý kiến;

d) Hội nghị biểu quyết việc bãi nhiệm Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 3 đến 5 người để làm nhiệm vụ.

Trường hợp có trên 50% cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ) so với tổng số cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) trong toàn thôn, tổ dân phố tán thành việc bãi nhiệm Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố, thì

Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố lập biên bản, báo cáo UBND cấp xã xem xét, bãi nhiệm;

đ) Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả bãi nhiệm Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố của Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, UBND cấp xã phải xem xét ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố.

Chủ tịch UBND cấp xã ra quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới; trường hợp UBND cấp xã không ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Việc bầu cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố mới phải được tiến hành trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố. Quy trình bầu cử Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19 của Quy chế này.

Điều 22. Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố

Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố được cân đối trong dự toán ngân sách xã, phường, thị trấn hàng năm.

Chương VII

PHÂN LOẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 23. Mục đích phân loại thôn, tổ dân phố

1. Làm căn cứ để thực hiện chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của thôn, tổ dân phố; góp phần bảo đảm sự ổn định của thôn, tổ dân phố và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền cơ sở.

2. Làm cơ sở để thực hiện chế độ chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố.

Điều 24. Tiêu chí phân loại và loại thôn, tổ dân phố

1. Tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố là số hộ dân đăng ký thường trú và tạm trú thường xuyên thuộc địa bàn thôn, tổ dân phố.

2. Thôn, tổ dân phố được phân làm ba loại, theo quy mô số hộ dân như sau:

a) Thôn, tổ dân phố có từ 500 hộ dân trở lên: loại 1;

b) Thôn, tổ dân phố có từ 200 hộ đến dưới 500 hộ dân: loại 2;

c) Thôn, tổ dân phố có dưới 200 hộ dân: loại 3.

Điều 25. Thẩm quyền và trình tự, thủ tục phân loại thôn, tổ dân phố

1. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn các xã, phường, thị trấn trực thuộc, sau khi được Sở Nội vụ thống nhất thỏa thuận bằng văn bản; báo cáo kết quả phân loại, điều chỉnh phân loại thôn, tổ dân phố về Chủ tịch UBND Thành phố (qua Sở Nội vụ tổng hợp).

2. Trình tự, thủ tục phân loại

a) UBND cấp xã lập hồ sơ, trình Chủ tịch UBND cấp huyện (qua Phòng Nội vụ) phân loại thôn, tổ dân phố thuộc địa bàn, hồ sơ gồm:

- Tờ trình của UBND cấp xã trình Chủ tịch UBND cấp huyện phân loại thôn, tổ dân phố.

- Bản báo cáo thống kê của Chủ tịch UBND cấp xã về tổng số hộ dân đăng ký thường trú và tạm trú thường xuyên theo từng thôn, tổ dân phố;

b) Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp với Công an cấp huyện và Chi cục dân số để tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị của UBND cấp xã, trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc từ khi có kết quả thẩm định, Chủ tịch UBND cấp huyện có hồ sơ xin ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ về phân loại thôn, tổ dân phố theo địa bàn từng xã, phường, thị trấn thuộc huyện, quận, thị xã, hồ sơ gồm:

- Công văn đề nghị của Chủ tịch UBND cấp huyện (có danh sách báo cáo số hộ dân và dự kiến phân loại từng thôn, tổ dân phố kèm theo);

- Biên bản họp thẩm định liên ngành Nội vụ, Công an, Thống kê (có danh sách chi tiết kèm theo);

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nội vụ thẩm định và có văn bản thống nhất thỏa thuận hoặc trả lời Chủ tịch UBND cấp huyện nếu chưa thống nhất

đ) Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định phân loại thôn, tổ dân phố trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất thỏa thuận của Sở Nội vụ.

Điều 26. Điều chỉnh phân loại thôn, tổ dân phố

1. Sau ba năm, kể từ ngày quyết định phân loại thôn, tổ dân phố có hiệu lực thi hành, Chủ tịch UBND cấp huyện tiến hành xem xét, quyết định điều chỉnh việc phân loại thôn, tổ dân phố.

Trường hợp có biến động lớn về số hộ dân ở thôn, tổ dân phố, thì Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định điều chỉnh việc phân loại.

Việc điều chỉnh phân loại căn cứ theo quy định tại Điều 24 và Điều 25 của Quy chế này.

2. Trường hợp cấp có thẩm quyền đã có quyết định về thành lập mới, sáp nhập, chia tách thôn, tổ dân phố. Chủ tịch UBND cấp huyện tiến hành phân loại thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 24 và Điều 25 của Quy chế này và trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày quyết định thành lập mới, sáp nhập, chia tách thôn, tổ dân phố có hiệu lực.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Quy chế này.

Điều 28. Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn; Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố, trên địa bàn thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thực triển khai thực hiện Quy chế này. Hàng năm, UBND quận, huyện, thị xã chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn tổng kết đánh giá hoạt động của thôn, tổ dân phố và gửi báo cáo về Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo UBND Thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Thảo